

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy
Trường Đại học Tài chính – Marketing**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2015 – 2017;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Tài chính – Marketing”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trường các đơn vị có liên quan và toàn thể sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Tài chính – Marketing chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

TS Hoàng Đức Long

QUY ĐỊNH

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy

Trường Đại học Tài chính – Marketing

*(Ban hành kèm theo Quyết định 986 /QĐ-ĐHTCM ngày 11/5/2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy bao gồm: đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên bậc đại học, sinh viên bậc cao đẳng khóa 23 (17C) trở về sau hệ chính quy của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của sinh viên được đánh giá.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a) Ý thức tham gia học tập;
- b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;
- c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
- d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;
- e) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Các tiêu chí đánh giá và khung điểm

(Phụ lục 1, 2, 3, 4 của Quy định)

STT	Nội dung các mặt đánh giá	Khung điểm
1. Sinh viên bậc đại học		
a)	Đánh giá về ý thức tham gia học tập	Từ 0 đến 20 điểm
b)	Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường	Từ 0 đến 25 điểm
c)	Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	Từ 0 đến 20 điểm
d)	Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng	Từ 0 đến 25 điểm
e)	Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện	Từ 0 đến 10 điểm
Tổng điểm		100 điểm
2. Sinh viên bậc cao đẳng		
a)	Ý thức, thái độ và kết quả học tập	Từ 0 đến 30 điểm
b)	Ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của nhà trường	Từ 0 đến 25 điểm
c)	Ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội	Từ 0 đến 25 điểm
d)	Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của Nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng	Từ 0 đến 20 điểm
Tổng điểm		100 điểm

Chương III

PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 5. Phân loại kết quả rèn luyện

STT	Khung điểm	Xếp loại
1. Sinh viên bậc đại học		
a)	Từ 90 đến 100 điểm	Xuất sắc
b)	Từ 80 đến dưới 90 điểm	Tốt
c)	Từ 65 đến dưới 80 điểm	Khá
d)	Từ 50 đến dưới 65 điểm	Trung bình
e)	Từ 35 đến dưới 50 điểm	Yếu
f)	Dưới 35 điểm	Kém
2. Sinh viên bậc cao đẳng		
a)	Từ 90 đến 100 điểm	Xuất sắc
b)	Từ 80 đến dưới 90 điểm	Tốt
c)	Từ 70 đến dưới 80 điểm	Khá
d)	Từ 50 đến dưới 70 điểm;	Trung bình
e)	Dưới 50 điểm.	Yếu

Điều 6. Phân loại để đánh giá**1. Đối với sinh viên bậc đại học**

- Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.
- Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.
- Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.
- Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.
- Sinh viên không thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện sẽ xếp loại rèn luyện kém.
- Sinh viên vi phạm Quy định thi ở mức khiển trách khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá; hoặc vi phạm Quy định thi ở mức cảnh cáo trở lên khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.
- Sinh viên có kết quả học tập trung bình khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại tốt; kết quả học tập kém khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.
- Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ

sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.

i) Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

j) Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

k) Sinh viên không đăng ký học phần được phép làm đơn xin không đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên.

l) Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

m) Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của trường đại học cũ khi học tại trường đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

2. Đối với sinh viên bậc cao đẳng

a) Sinh viên bị kỷ luật hình thức khiển trách thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại khá, bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại trung bình.

b) Sinh viên vi phạm Quy định thi ở mức khiển trách khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá; hoặc vi phạm Quy định thi ở mức cảnh cáo trở lên khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

c) Sinh viên có kết quả học tập trung bình khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại tốt; kết quả học tập kém khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.

d) Sinh viên không tự đánh giá kết quả rèn luyện xếp loại yếu.

e) Sinh viên không đăng ký học phần được phép làm đơn xin không đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên.

Điều 7. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Sinh viên, Ban cán sự (BCS) lớp, Ban Chấp hành (BCH) chi đoàn, BCH chi hội, cố vấn học tập được nhà trường cấp tài khoản để đăng nhập vào cổng thông tin www.uis.edu.vn để đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên.

2. Trong học kỳ, nhà trường tổng hợp các hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên vào hệ thống để làm căn cứ cho sinh viên đánh giá. Đến đợt đánh giá kết quả

rèn luyện sinh viên, Phòng Công tác Sinh viên ban hành kế hoạch và tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên theo quy trình:

a) Sinh viên tự đánh giá: sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do nhà trường quy định.

b) Ban cán sự lớp, Ban Chấp hành chi đoàn, Ban Chấp hành chi hội đánh giá lại điểm rèn luyện cho sinh viên trên cơ sở sinh viên tự đánh giá.

c) Cố vấn học tập đánh giá lại điểm rèn luyện sinh viên trên cơ sở sinh viên và Ban cán sự lớp, Ban Chấp hành chi đoàn, Ban Chấp hành chi hội đã đánh giá. Tổ chức họp lớp để xem xét và thông qua kết quả được quá nửa ý kiến của tập thể lớp đồng ý. Sau đó, chuyển biên bản lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp khoa (Hội đồng cấp khoa).

d) Hội đồng cấp khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trường khoa thông qua và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp trường (Hội đồng cấp trường).

e) Hội đồng cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

f) Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho sinh viên biết trước 20 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 8. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên và Hội đồng chấm dứt hoạt động khi Hiệu trưởng ban hành Quyết định công nhận kết quả của sinh viên chính thức.

2. Hội đồng cấp trường

a) Thẩm quyền thành lập

- Hội đồng cấp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp trường.

b) Thành phần Hội đồng cấp trường bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.
- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác Sinh viên hoặc Phó Trưởng phòng Công tác Sinh viên được Trưởng phòng ủy quyền.
- Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng (ban) có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên và Hội sinh viên trường.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường:

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.
- Căn cứ vào quy định của trường, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

3. Hội đồng cấp khoa / cấp viện

a) Thẩm quyền thành lập

- Hội đồng cấp khoa do Trưởng khoa / Viện trưởng hoặc Phó trưởng khoa / Phó viện trưởng được Trưởng khoa / Viện trưởng ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp khoa / cấp viện.

b) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa / Viện trưởng hoặc Phó trưởng khoa / Phó viện trưởng được Trưởng khoa / Viện trưởng ủy quyền.
- Các ủy viên: Thư ký khoa / viện; cố vấn học tập; đại diện Đoàn khoa, Liên chi Hội sinh viên.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa / cấp viện:

- Hội đồng cấp khoa có nhiệm vụ giúp Trưởng khoa / Viện trưởng xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.
- Căn cứ vào quy định của trường, trên cơ sở đề nghị của cố vấn học tập các lớp, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Trưởng khoa / Viện trưởng công nhận.

4. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

a) Phòng Công tác Sinh viên

- Phòng Công tác Sinh viên là đơn vị thường trực phụ trách công tác đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên.
- Nhiệm vụ:
 - + Dự thảo và trình ký ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường.
 - + Lập kế hoạch tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên từng học kỳ, năm học và khóa học.
 - + Tổ chức các hoạt động và tổng hợp tất cả nội dung các mặt đánh giá của các đơn vị để đưa vào hệ thống đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.
 - + Tổ chức cho sinh có điểm rèn luyện toàn khóa xếp loại dưới trung bình đăng ký tham gia hoạt động để cải thiện điểm trung bình toàn khóa.
 - + Tổ chức họp Hội đồng cấp trường.
 - + Cấp bảng điểm rèn luyện cho sinh viên.

- + Tổ chức giải quyết các khiếu nại về kết quả rèn luyện của sinh viên.
- + Tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận kết quả rèn luyện sinh viên, quyết định khen thưởng đối với sinh viên đạt kết quả rèn luyện xuất sắc toàn khóa, quyết định ngừng học, buộc thôi học đối với sinh viên đạt kết quả rèn luyện yếu, kém.
- b) Phòng Khảo thí – Quản lý chất lượng
 - Tổng hợp và gửi về Phòng Công tác Sinh viên:
 - + Kết quả học tập của sinh viên.
 - + Danh sách sinh viên vi phạm Quy định thi.
 - Cấp bằng điểm kết quả học tập và rèn luyện toàn khóa cho sinh viên.
- c) Phòng Kế hoạch – Tài chính: tổng hợp và gửi về Phòng Công tác Sinh viên danh sách sinh viên nợ lệ phí, học phí của từng học kỳ.
- d) Phòng Quản lý Ký túc xá: tổng hợp và gửi về Phòng Công tác Sinh viên:
 - Các hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên và danh sách sinh viên tham gia của từng học kỳ.
 - Tổng hợp các hoạt động, danh sách sinh viên được tuyên dương, khen thưởng, vi phạm nội quy Ký túc xá; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của sinh viên là thành viên Ban Tự quản Ký túc xá.
- e) Các đơn vị Phòng, Trung tâm, Viện thuộc trường: tổng hợp và gửi về Phòng Công tác Sinh viên các hoạt động mà đơn vị tổ chức và danh sách sinh viên tham gia.
- f) Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên trường
 - Tổng hợp và chỉ đạo các cơ sở Đoàn – Hội tổng hợp các hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên của từng học kỳ và gửi về Phòng Công tác Sinh viên.
 - Tổng hợp các hoạt động, danh sách sinh viên được tuyên dương, khen thưởng các cấp; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của sinh viên là Cán bộ Đoàn – Hội, Ban Chủ nhiệm CLB trực thuộc cơ sở Đoàn – Hội gửi về Phòng Công tác Sinh viên.

Điều 9. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học. Nội dung đánh giá kết quả rèn luyện của học kỳ nào chỉ được sử dụng cho học kỳ đó, nội dung đánh giá của học kỳ hè được sử dụng để đánh giá cho học kỳ trước đó.
2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của các nội dung đánh giá chi tiết của trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện của hai học kỳ chính của năm học.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học

a) Đối với sinh viên bậc đại học: điểm rèn luyện toàn khóa là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

b) Đối với sinh viên bậc cao đẳng: điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện của các năm học.

Điều 10. Sử dụng kết quả rèn luyện sinh viên

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường, được sử dụng trong việc xét học bổng, xét khen thưởng – kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác theo quy định.

2. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên, được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

4. Ngoài ra, đối với sinh viên bậc đại học

a) Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo; nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì bị buộc thôi học.

b) Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học dùng để làm điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp phải xếp loại từ trung bình trở lên.

c) Điểm rèn luyện toàn khóa học của sinh viên xếp loại dưới trung bình, sinh viên sẽ phải đăng ký tham gia hoạt động để cải thiện điểm trung bình toàn khóa và điểm rèn luyện toàn khóa không được vượt quá loại trung bình.

Điều 11. Quyền khiếu nại

1. Sinh viên có quyền khiếu nại nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên chưa chính xác. Sinh viên gửi đơn khiếu nại tại Phòng Công tác Sinh viên trong vòng 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả điểm rèn luyện.

2. Khi nhận được đơn, thư khiếu nại của sinh viên, trong vòng 7 ngày, Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa và cấp trường có nhiệm vụ giải quyết và trả lời cho sinh viên theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này được áp dụng từ học kỳ đầu năm 2019 và thay thế Quy định đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Tài chính – Marketing tại Quyết định số 525/QĐ-ĐHTCM ngày 12/4/2018 và Quyết định số 878/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/2018 về việc sửa đổi Quyết định số 525/QĐ-ĐHTCM ngày 12/4/2018.

2. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên theo dõi, hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện Quy định này, đồng thời đề xuất Hiệu trưởng những nội dung sửa đổi, điều chỉnh với điều kiện thực tế khi cần thiết./.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Đức Long

PHỤ LỤC 1

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM ĐỐI VỚI SINH VIÊN BẠC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định **986** /QĐ-ĐHTCM ngày **22**/5/2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

STT	Nội dung	Khung điểm
1.	Đánh giá về ý thức học tập	0 đến 20 điểm
a)	Có ý thức và thái độ trong học tập nghiêm túc	0 đến 3 điểm
b)	Tham gia các câu lạc bộ (CLB) học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH)	
	– Thành viên các CLB học thuật	0 đến 3 điểm/CLB
	– Tham gia các hoạt động học thuật: hội thảo, tọa đàm, lớp hướng dẫn NCKH, các hoạt động khảo sát của trường,...	3 điểm/hoạt động
	– Tham gia hoạt động NCKH: thực hiện đề tài NCKH, bài viết, bài tham luận tại các hội thảo khoa học,...	5 điểm/nghiên cứu
c)	Tham gia các kỳ thi, cuộc thi	
	– Tham gia cổ vũ các kỳ thi, cuộc thi học thuật	2 điểm/hoạt động
	– Tham gia các cuộc thi học thuật của lớp, cấp khoa (tương đương)	3 điểm/hoạt động
	– Tham gia các cuộc thi học thuật cấp trường (tương đương) trở lên	4 điểm/hoạt động
d)	Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập	0 đến 3 điểm
e)	Kết quả học tập	0 đến 10 điểm
	– Kết quả học tập của học kỳ:	
	+ Xuất sắc	10 điểm
	+ Giỏi	8 điểm
	+ Khá	6 điểm
	+ Trung bình	5 điểm
	+ Yếu	3 điểm
	+ Kém	0 điểm
f)	Khen thưởng – Kỷ luật	
	– Khen thưởng sinh viên đạt thành tích hoạt động	

	NCKH và học thuật			
	+ Cấp khoa (tương đương)			4 điểm/thành tích
	+ Cấp trường (tương đương) trở lên			5 điểm/thành tích
	– Kỷ luật			
	+ Không thực hiện các hoạt động khảo sát			-2 điểm/lần
	+ Vi phạm quy định các kỳ thi và bị lập biên bản hình thức kỷ luật:			
	Hình thức	Lần đầu	Lần thứ 2 trở lên	Không quy định số điểm trừ tối đa
	Khiển trách	-2 điểm	-4 điểm/lần	
	Cảnh cáo	-3 điểm	-6 điểm/lần	
	Đình chỉ thi	-4 điểm	-8 điểm/lần	
2.	Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường			0 đến 25 điểm
a)	Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên; các nội quy, quy chế và các quy định trong nhà trường			
	– Không vi phạm quy chế, quy định			2 điểm
	– Vi phạm nội quy học đường (thời gian học tập, không mang thẻ sinh viên,...), đăng ký tham gia hoạt động nhưng không tham gia			-2 điểm/lần
	– Không thực hiện đúng quy định thời hạn các loại hồ sơ, giấy tờ của trường			-2 điểm/lần
	– Chấp hành quy định nội trú và ngoại trú			
	+ Đăng ký nội trú, ngoại trú đúng hạn			3 điểm
	+ Không đăng ký nội trú, ngoại trú			-5 điểm
	– Vi phạm Quy chế, quy định về công tác sinh viên đến mức phải chịu hình thức kỷ luật (có Quyết định của Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật):			
	+ Khiển trách toàn trường			-5 điểm
	+ Cảnh cáo toàn trường			-10 điểm
	+ Đình chỉ học tập 1 năm học			Rèn luyện kém
	– Đóng học phí, lệ phí đúng thời hạn quy định			3 điểm
b)	Tham gia Tuần Sinh hoạt công dân – sinh viên			0 đến 10 điểm
c)	Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên			

	– Đánh giá đúng tiến độ	2 điểm
	– Đánh giá chậm tiến độ, sai quy định, không trung thực	-3 điểm
	– Không đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên	Rèn luyện kém
d)	Tham gia sinh hoạt lớp định kỳ	0 đến 5 điểm
3.	Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	0 đến 20 điểm
a)	Tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao	
	– Thành viên các CLB	0 đến 3 điểm/CLB
	– Tham gia cổ vũ các hoạt động	2 điểm/hoạt động
	– Tham gia các hoạt động về chính trị, xã hội	
	+ Tham gia các hoạt động, các buổi hội nghị, đại hội do nhà trường, các tổ chức Đoàn – Hội tổ chức, triệu tập	4 điểm/hoạt động
	+ Không tham gia (không có lý do chính đáng khi được triệu tập)	-3 điểm/hoạt động
	– Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao	
	+ Cấp lớp, cấp khoa (tương đương)	3 điểm/hoạt động
	+ Cấp trường (tương đương) trở lên	4 điểm/hoạt động
b)	Tham gia các hoạt động công ích	3 điểm/hoạt động
c)	Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	3 điểm/hoạt động
d)	Khen thưởng sinh viên đạt thành tích hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	
	– Cấp khoa (tương đương)	4 điểm/thành tích
	– Cấp trường (tương đương) trở lên	5 điểm/thành tích
4.	Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng	0 đến 25 điểm
a)	Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng	0 đến 5 điểm

b)	Tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng	
	– Thành viên các CLB	0 đến 3 điểm/CLB
	– Cấp lớp, cấp khoa (tương đương)	3 điểm/hoạt động
	– Cấp trường (tương đương) trở lên	4 điểm/hoạt động
c)	Khen thưởng sinh viên tham gia các hoạt động vì cộng đồng	
	– Cấp khoa (tương đương)	4 điểm/thành tích
	– Cấp trường (tương đương) trở lên	5 điểm/thành tích
5.	Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện	0 đến 10 điểm
a)	Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, của nhà trường	3 điểm
b)	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của sinh viên giữ một trong các chức vụ sau (đối với sinh viên đảm nhận nhiều chức vụ thì chọn một chức vụ cao nhất)	
	– Ban cán sự lớp; Ban Chấp hành (BCH) chi đoàn – chi hội; ủy viên BCH Đoàn khoa – Liên chi hội Sinh viên khoa; Ban Chủ nhiệm các CLB; Trưởng đội, nhóm (cấp khoa):	
	+ Hoàn thành nhiệm vụ	3 điểm
	+ Hoàn thành mức 50%	2 điểm
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ	-3 điểm
	– Bí thư, phó Bí thư Đoàn khoa; Liên chi hội trưởng, liên chi hội phó; Ủy viên BCH Đoàn trường – Hội Sinh viên trường; Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm CLB; Trưởng đội (cấp trường); Ban tự quản ký túc xá:	
	+ Hoàn thành nhiệm vụ	4 điểm
	+ Hoàn thành mức 50%	2 điểm
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ	-4 điểm
	– Ủy viên Thường vụ Đoàn trường – Ban Thư ký Hội Sinh viên trường; Chi ủy viên Chi bộ Sinh viên:	
	+ Hoàn thành nhiệm vụ	5 điểm
	+ Hoàn thành mức 50%	2 điểm

	+ Không hoàn thành nhiệm vụ	-5 điểm
c)	Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện	
	– Khen thưởng cấp Trường	
	+ Danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”	5 điểm
	+ Giấy khen hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội (cá nhân)	5 điểm
	– Khen thưởng cấp tỉnh, thành phố trở lên	
	+ Danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”	6 điểm
	+ Đoạt giải I, II, III Giải thưởng NCKH cấp thành phố	6 điểm
	+ Đoạt giải khuyến khích Giải thưởng NCKH cấp Bộ	6 điểm
	+ Giấy khen của Thành Đoàn – Thành Hội về hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội (cá nhân)	6 điểm
	+ Các hình thức khen thưởng tương đương khác (do Hội đồng rèn luyện cấp trường công nhận)	6 điểm
	– Khen thưởng cấp Trung ương (tương đương)	
	+ Danh hiệu “Sao Tháng Giêng”	7 điểm
	+ Đoạt giải I, II, III Giải thưởng NCKH cấp Bộ	7 điểm
	+ Bằng khen của Trung ương Đoàn – Trung ương Hội về hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội (cá nhân)	7 điểm
	+ Bằng khen cấp Trung ương vì có thành tích xuất sắc trong công tác xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hoạt động tình nguyện vì cộng đồng	7 điểm
	+ Các hình thức khen thưởng tương đương khác (do Hội đồng rèn luyện cấp trường công nhận)	7 điểm
– Tổng điểm của phần 1, phần 3, phần 4 là 65 điểm, nếu điểm vượt khung thì quy về 65 điểm. – Tổng điểm của phần 2 là 25 điểm, nếu điểm vượt khung thì quy về 25 điểm. – Tổng điểm của phần 5 là 10 điểm, nếu điểm vượt quá 10 điểm thì phần điểm vượt sẽ cộng dồn điểm vào điểm tổng (phần 1 + phần 2 + phần 3 + phần 4). Nếu điểm rèn luyện vượt quá 100 điểm sẽ quy về 100 điểm và phần điểm vượt sẽ được bảo lưu và cộng vào học kỳ kế tiếp (bảo lưu tối đa một học kỳ).		

PHỤ LỤC 2

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM ĐỐI VỚI SINH VIÊN BẠC ĐẠI HỌC (Áp dụng cho học kỳ cuối của khóa học)

(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-DHTCM ngày /5/2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

STT	Nội dung	Khung điểm
1.	Đánh giá về ý thức học tập	0 đến 20 điểm
a)	Có ý thức và thái độ trong học tập, thực tập nghiêm túc	0 đến 3 điểm
b)	Tham gia các câu lạc bộ (CLB) học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH)	
	– Thành viên các CLB học thuật	0 đến 3 điểm/CLB
	– Tham gia các hoạt động học thuật: hội thảo, tọa đàm, lớp hướng dẫn NCKH, các hoạt động khảo sát của trường,...	3 điểm/hoạt động
	– Tham gia hoạt động NCKH: thực hiện đề tài NCKH, bài viết, bài tham luận tại các hội thảo khoa học,...	5 điểm/nghiên cứu
c)	Tham gia các kỳ thi, cuộc thi	
	– Có ý thức và tham gia các kỳ thi, cuộc thi học thuật trong thời gian học tập tại trường	3 điểm
	– Tham gia cổ vũ các kỳ thi, cuộc thi học thuật	2 điểm/hoạt động
	– Tham gia các cuộc thi học thuật của lớp, cấp khoa (trưng dương)	3 điểm/hoạt động
	– Tham gia các cuộc thi học thuật cấp trường (trưng dương) trở lên	4 điểm/hoạt động
d)	Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập	0 đến 3 điểm
e)	Kết quả học tập	0 đến 10 điểm
	– Kết quả học tập của học kỳ:	
	+ Xuất sắc	10 điểm
	+ Giỏi	8 điểm
	+ Khá	6 điểm
	+ Trung bình	5 điểm
	+ Yếu	3 điểm

	+ Kém		0 điểm
f)	Khen thưởng – Kỷ luật		
	– Khen thưởng sinh viên đạt thành tích hoạt động NCKH và học thuật		
	+ Cấp khoa (tương đương)		4 điểm/thành tích
	+ Cấp trường (tương đương) trở lên		5 điểm/thành tích
	– Kỷ luật		
	+ Không thực hiện các hoạt động khảo sát		-2 điểm/lần
	+ Vi phạm quy định các kỳ thi và bị lập biên bản hình thức kỷ luật:		
	Hình thức	Lần đầu	Lần thứ 2 trở lên
	Khiển trách	-2 điểm	-4 điểm/lần
	Cảnh cáo	-3 điểm	-6 điểm/lần
	Đình chỉ thi	-4 điểm	-8 điểm/lần
2.	Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường		0 đến 25 điểm
a)	Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên; các nội quy, quy chế và các quy định trong nhà trường; nội quy, quy định tại đơn vị thực tập		
	– Không vi phạm quy chế, quy định		2 điểm
	– Vi phạm nội quy học đường (thời gian học tập, không mang thẻ sinh viên,...), đăng ký tham gia hoạt động nhưng không tham gia, vi phạm quy định tại đơn vị thực tập		-2 điểm/lần
	– Không thực hiện đúng quy định thời hạn các loại hồ sơ, giấy tờ của trường		-2 điểm/lần
	– Chấp hành quy định nội trú và ngoại trú		
	+ Đăng ký nội trú, ngoại trú đúng hạn		3 điểm
	+ Không đăng ký nội trú, ngoại trú		-5 điểm
	– Vi phạm Quy chế, quy định về công tác sinh viên đến mức phải chịu hình thức kỷ luật (có Quyết định của Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật):		
	+ Khiển trách toàn trường		-5 điểm
	+ Cảnh cáo toàn trường		-10 điểm

	+ Đình chỉ học tập 1 năm học	Rèn luyện kém
	– Đóng học phí, lệ phí đúng thời hạn quy định	3 điểm
b)	Tham gia Tuần Sinh hoạt công dân – sinh viên	0 đến 10 điểm
c)	Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên	
	– Đánh giá đúng tiến độ	2 điểm
	– Đánh giá chậm tiến độ, sai quy định, không trung thực	-3 điểm
	– Không đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên	Rèn luyện kém
d)	Tham gia sinh hoạt lớp định kỳ, gặp giảng viên hướng dẫn theo đúng quy định	0 đến 5 điểm
3.	Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	0 đến 20 điểm
a)	Tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao	
	– Có ý thức và tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao trong thời gian học tập tại trường	3 điểm
	– Thành viên các CLB	0 đến 3 điểm/CLB
	– Tham gia cổ vũ các hoạt động	2 điểm/hoạt động
	– Tham gia các hoạt động về chính trị, xã hội	
	+ Tham gia các hoạt động, các buổi hội nghị, đại hội do nhà trường, các tổ chức Đoàn – Hội, đơn vị thực tập tổ chức, triệu tập	4 điểm/hoạt động
	+ Không tham gia (không có lý do chính đáng khi được triệu tập)	-3 điểm/hoạt động
	– Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao	
	+ Cấp lớp, cấp khoa (tương đương)	3 điểm/hoạt động
	+ Cấp trường (tương đương) trở lên	4 điểm/hoạt động
	+ Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại đơn vị thực tập	4 điểm/hoạt động
b)	Tham gia các hoạt động công ích	
	– Có ý thức và tham gia các hoạt động công ích trong thời gian học tập tại trường	3 điểm
	– Tham gia các hoạt động công ích	3 điểm/hoạt động

c)	Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	
	– Có ý thức và tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thời gian học tập tại trường	3 điểm
	– Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	3 điểm/hoạt động
d)	Khen thưởng sinh viên đạt thành tích hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	
	– Cấp khoa (tương đương)	4 điểm/thành tích
	– Cấp trường (tương đương) trở lên	5 điểm/thành tích
4.	Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng	0 đến 25 điểm
a)	Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng	0 đến 5 điểm
b)	Tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng	
	– Có ý thức và tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng trong thời gian học tập tại trường	3 điểm
	– Thành viên các CLB	0 đến 3 điểm/CLB
	– Cấp lớp, cấp khoa (tương đương)	3 điểm/hoạt động
	– Cấp trường (tương đương) trở lên	4 điểm/hoạt động
	– Tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng tại đơn vị thực tập	4 điểm/hoạt động
c)	Khen thưởng sinh viên tham gia các hoạt động vì cộng đồng	
	– Cấp khoa (tương đương)	4 điểm/thành tích
	– Cấp trường (tương đương) trở lên	5 điểm/thành tích
5.	Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện	0 đến 10 điểm
a)	Có ý thức hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, của nhà trường trong thời gian	5 điểm

	học tập tại trường	
b)	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của sinh viên giữ một trong các chức vụ sau (đối với sinh viên đảm nhận nhiều chức vụ thì chọn một chức vụ cao nhất)	
	– Ban cán sự lớp; Ban Chấp hành (BCH) chi đoàn – chi hội; ủy viên BCH Đoàn khoa – Liên chi hội Sinh viên khoa; Ban Chủ nhiệm các CLB; Trưởng đội, nhóm (cấp khoa):	
	+ Hoàn thành nhiệm vụ	3 điểm
	+ Hoàn thành mức 50%	2 điểm
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ	-3 điểm
	– Bí thư, phó Bí thư Đoàn khoa; Liên chi hội trưởng, liên chi hội phó; Ủy viên BCH Đoàn trường – Hội Sinh viên trường; Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm CLB; Trưởng đội (cấp trường); Ban tự quản ký túc xá:	
	+ Hoàn thành nhiệm vụ	4 điểm
	+ Hoàn thành mức 50%	2 điểm
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ	-4 điểm
	– Ủy viên Thường vụ Đoàn trường – Ban Thư ký Hội Sinh viên trường; Chi ủy viên Chi bộ Sinh viên:	
	+ Hoàn thành nhiệm vụ	5 điểm
	+ Hoàn thành mức 50%	2 điểm
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ	-5 điểm
c)	Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện	
	– Khen thưởng cấp Trường	
	+ Danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”	5 điểm
	+ Giấy khen hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội (cá nhân)	5 điểm
	– Khen thưởng cấp tỉnh, thành phố trở lên	
	+ Danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”	6 điểm
	+ Đạt giải I, II, III Giải thưởng NCKH cấp thành phố	6 điểm
	+ Đạt giải khuyến khích Giải thưởng NCKH cấp Bộ	6 điểm

	+ Giấy khen của Thành Đoàn – Thành Hội về hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội (cá nhân)	6 điểm
	+ Các hình thức khen thưởng tương đương khác (do Hội đồng rèn luyện cấp trường công nhận)	6 điểm
	– Khen thưởng cấp Trung ương (tương đương)	
	+ Danh hiệu “Sao Tháng Giêng”	7 điểm
	+ Đoạt giải I, II, III Giải thưởng NCKH cấp Bộ	7 điểm
	+ Bằng khen của Trung ương Đoàn – Trung ương Hội về hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội (cá nhân)	7 điểm
	+ Bằng khen cấp Trung ương vì có thành tích xuất sắc trong công tác xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hoạt động tình nguyện vì cộng đồng	7 điểm
	+ Các hình thức khen thưởng tương đương khác (do Hội đồng rèn luyện cấp trường công nhận)	7 điểm
– Tổng điểm của phần 1, phần 3, phần 4 là 65 điểm, nếu điểm vượt khung thì quy về 65 điểm. – Tổng điểm của phần 2 là 25 điểm, nếu điểm vượt khung thì quy về 25 điểm. – Tổng điểm của phần 5 là 10 điểm, nếu điểm vượt quá 10 điểm thì phần điểm vượt sẽ cộng dồn điểm vào điểm tổng (phần 1 + phần 2 + phần 3 + phần 4). Nếu điểm rèn luyện vượt quá 100 điểm sẽ quy về 100 điểm và phần điểm vượt sẽ được bảo lưu và cộng vào học kỳ kế tiếp (bảo lưu tối đa một học kỳ).		

PHỤ LỤC 3
CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM
ĐỐI VỚI SINH VIÊN BẠC CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-ĐHTCM ngày /5/2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

STT	Nội dung	Khung điểm
1.	Đánh giá về ý thức, thái độ và kết quả học tập	0 đến 30 điểm
a)	Có ý thức và thái độ trong học tập nghiêm túc	Tối đa 5 điểm
b)	Tham gia các câu lạc bộ (CLB) học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH)	
	– Thành viên CLB học thuật	3 điểm/CLB
	– Tham gia các hoạt động học thuật: hội thảo, tọa đàm, lớp hướng dẫn NCKH, các hoạt động khảo sát của trường ...	3 điểm/hoạt động
	– Có đề tài NCKH được nghiệm thu, bài viết, bài tham luận tại các hội thảo khoa học cấp Khoa trở lên ...	10 điểm/nghiên cứu
c)	Tham gia các kỳ thi, cuộc thi học thuật	
	– Tham gia cổ vũ các kỳ thi, cuộc thi học thuật	2 điểm/hoạt động
	– Tham gia các cuộc thi học thuật của Bộ môn, cấp Khoa tổ chức	4 điểm/hoạt động
	– Tham gia các cuộc thi học thuật cấp trường (tương đương) trở lên	5 điểm/hoạt động
d)	Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập	5 điểm
e)	Kết quả học tập	0 đến 20 điểm
	– Kết quả học tập của học kỳ:	
	+ Xuất sắc	20 điểm
	+ Giỏi	18 điểm
	+ Khá	16 điểm
	+ Trung bình	14 điểm
	+ Yếu	10 điểm
	+ Kém	0 điểm
f)	Khen thưởng – Kỷ luật	
	– Sinh viên đạt thành tích trong hoạt động NCKH và học	

	thuật được khen thưởng		
	+ Cấp khoa (tương đương)		10 điểm/thành tích
	+ Cấp trường (tương đương) trở lên		15 điểm/thành tích
	– Kỷ luật		
	+ Không thực hiện các hoạt động khảo sát		-2 điểm/lần
	+ Vi phạm quy định các kỳ thi và bị lập biên bản hình thức kỷ luật:		
	Hình thức	Lần đầu	Lần thứ 2 trở lên
	Khiển trách	-2 điểm	-4 điểm/lần
	Cảnh cáo	-3 điểm	-6 điểm/lần
	Đình chỉ thi	-4 điểm	-8 điểm/lần
2.	Đánh giá về ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của Nhà trường		0 đến 25 điểm
a)	Ý thức chấp hành các quy định của pháp luật đối với công dân, các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành, của cơ quan quản lý thực hiện trong Nhà trường.		
	– Không vi phạm quy chế, quy định		2 điểm
	– Vi phạm nội quy học đường (thời gian học tập, không mang thẻ sinh viên, ...), đăng ký tham gia hoạt động nhưng không tham gia		-2 điểm/lần
	– Không thực hiện đúng quy định về thời hạn nộp các loại hồ sơ, giấy tờ của trường		-2 điểm/lần
	– Chấp hành quy định đăng ký nội trú và ngoại trú		
	+ Đăng ký nội trú, ngoại trú đúng hạn		3 điểm
	+ Không đăng ký nội trú, ngoại trú		-5 điểm
	– Vi phạm Quy chế, quy định về công tác sinh viên đến mức phải chịu hình thức kỷ luật (có Quyết định của Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật):		
	+ Khiển trách		-5 điểm
	+ Cảnh cáo		-10 điểm
	+ Đình chỉ học tập 1 năm học		Rèn luyện kém
	– Đóng học phí, lệ phí đúng thời hạn quy định		3 điểm
b)	Tham gia Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa/đầu năm học		0 đến 10 điểm
c)	Tự đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên		

	– Đánh giá đúng tiến độ	2 điểm
	– Đánh giá chậm tiến độ, sai quy định, không trung thực	-3 điểm
	– Không đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên	Rèn luyện kém
d)	Tham gia sinh hoạt lớp định kỳ	0 đến 5 điểm
3.	Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	0 đến 25 điểm
a)	Tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao	
	– Thành viên các CLB	3 điểm/CLB
	– Tham gia cổ vũ các hoạt động	2 điểm/hoạt động
	– Tham gia các hoạt động về chính trị, xã hội	
	+ Tham gia các hoạt động, các buổi hội nghị, đại hội do nhà trường, các tổ chức Đoàn – Hội tổ chức, triệu tập	4 điểm/hoạt động
	+ Không tham gia (không có lý do chính đáng khi được triệu tập)	-3 điểm/hoạt động
	– Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao	
	+ Cấp lớp, cấp khoa (tương đương)	3 điểm/hoạt động
	+ Cấp trường (tương đương) trở lên	4 điểm/hoạt động
b)	Tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội	3 điểm/hoạt động
	– Thành viên các CLB	3 điểm/CLB
	– Cấp lớp, cấp khoa (tương đương)	3 điểm/hoạt động
	– Cấp trường (tương đương) trở lên	4 điểm/hoạt động
c)	Khen thưởng sinh viên tham gia các hoạt động vì cộng đồng	
	– Cấp khoa (tương đương)	4 điểm/thành tích
	– Cấp trường (tương đương) trở lên	5 điểm/thành tích
d)	Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	3 điểm/hoạt động
e)	Khen thưởng sinh viên đạt thành tích hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	

	– Cấp khoa (tương đương)	4 điểm/thành tích
	– Cấp trường (tương đương) trở lên	5 điểm/thành tích
4.	Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, các tổ chức khác của Nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện	0 đến 20 điểm
a)	Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, của nhà trường	6 điểm
b)	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của sinh viên giữ một trong các chức vụ sau (đối với sinh viên đảm nhận nhiều chức vụ thì chọn một chức vụ cao nhất)	
	– Ban Cán sự lớp; Ban Chấp hành (BCH) chi đoàn – chi hội; ủy viên BCH Đoàn khoa – Liên chi hội Sinh viên khoa; Ban Chủ nhiệm các CLB; Trưởng đội, nhóm (cấp Khoa):	
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ	6 điểm
	+ Hoàn thành nhiệm vụ	3 điểm
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ	-6 điểm
	– Bí thư, phó Bí thư Đoàn khoa; Liên chi hội trưởng, liên chi hội phó; Ủy viên BCH Đoàn trường – Hội Sinh viên trường; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm CLB; Trưởng đội (cấp trường); Ban Tự quản ký túc xá:	
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ	8 điểm
	+ Hoàn thành nhiệm vụ	4 điểm
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ	-8 điểm
	– Ủy viên Thường vụ Đoàn trường – Ban Thư ký Hội Sinh viên trường; Chi ủy viên Chi bộ Sinh viên:	
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ	10 điểm
	+ Hoàn thành nhiệm vụ	5 điểm
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ	-10 điểm
c)	Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện	
	– Khen thưởng cấp Trường	
	+ Danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”	5 điểm
	+ Giấy khen hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội	5 điểm

	(cá nhân)	
	– Khen thưởng cấp tỉnh, thành phố trở lên	
	+ Danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”	6 điểm
	+ Đạt giải I, II, III Giải thưởng NCKH cấp thành phố	6 điểm
	+ Đạt giải khuyến khích Giải thưởng NCKH cấp Bộ	6 điểm
	+ Giấy khen của Thành Đoàn – Thành Hội về hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội (cá nhân)	6 điểm
	+ Các hình thức khen thưởng tương đương khác (do Hội đồng rèn luyện cấp trường công nhận)	6 điểm
	– Khen thưởng cấp Trung ương (tương đương)	
	+ Danh hiệu “Sao Tháng Giêng”	7 điểm
	+ Đạt giải I, II, III Giải thưởng NCKH cấp Bộ	7 điểm
	+ Bằng khen của Trung ương Đoàn – Trung ương Hội về hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội (cá nhân)	7 điểm
	+ Bằng khen cấp Trung ương vì có thành tích xuất sắc trong công tác xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hoạt động tình nguyện vì cộng đồng	7 điểm
	+ Các hình thức khen thưởng tương đương khác (do Hội đồng rèn luyện cấp trường công nhận)	7 điểm
– Tổng điểm của phần 1, phần 3 là 55 điểm, nếu điểm vượt khung thì quy về 55 điểm. – Tổng điểm của phần 2 là 25 điểm, nếu điểm vượt khung thì quy về 25 điểm. – Tổng điểm của phần 4 là 20 điểm, nếu điểm vượt quá 20 điểm thì phần điểm vượt sẽ cộng dồn điểm vào điểm tổng (phần 1 + phần 2 + phần 3). Nếu điểm rèn luyện vượt quá 100 điểm sẽ quy về 100 điểm và phần điểm vượt sẽ được bảo lưu và cộng vào học kỳ kế tiếp (bảo lưu tối đa một học kỳ).		

PHỤ LỤC 4
CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM
ĐỐI VỚI SINH VIÊN BẠC CAO ĐẲNG
(Áp dụng cho học kỳ cuối của khóa học)

(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-ĐHTCM ngày /5/2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

STT	Nội dung	Khung điểm
1.	Đánh giá về ý thức, thái độ và kết quả học tập	0 đến 30 điểm
a)	Có ý thức và thái độ trong học tập nghiêm túc	Tối đa 5 điểm
b)	Tham gia các câu lạc bộ (CLB) học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH)	
	– Thành viên CLB học thuật	3 điểm/CLB
	– Tham gia các hoạt động học thuật: hội thảo, tọa đàm, lớp hướng dẫn NCKH, các hoạt động khảo sát của trường, ...	3 điểm/hoạt động
	– Có đề tài NCKH được nghiệm thu, bài viết, bài tham luận tại các hội thảo khoa học cấp Khoa trở lên, ...	10 điểm/nghiên cứu
c)	Tham gia các kỳ thi, cuộc thi học thuật	
	– Có ý thức và tham gia các kỳ thi, cuộc thi học thuật trong thời gian học tập tại trường	3 điểm
	– Tham gia cổ vũ các kỳ thi, cuộc thi học thuật	2 điểm/hoạt động
	– Tham gia các cuộc thi học thuật của Bộ môn, cấp Khoa tổ chức	4 điểm/hoạt động
	– Tham gia các cuộc thi học thuật cấp trường (tương đương) trở lên	5 điểm/hoạt động
d)	Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập	5 điểm
e)	Kết quả học tập	0 đến 20 điểm
	– Kết quả học tập của học kỳ:	
	+ Xuất sắc	20 điểm
	+ Giỏi	18 điểm
	+ Khá	16 điểm
	+ Trung bình	14 điểm
	+ Yếu	10 điểm

	+ Kém	0 điểm												
f)	Khen thưởng – Kỷ luật													
	– Sinh viên đạt thành tích trong hoạt động NCKH và học thuật được khen thưởng													
	+ Cấp khoa (tương đương)	10 điểm/thành tích												
	+ Cấp trường (tương đương) trở lên	15 điểm/thành tích												
	– Kỷ luật													
	+ Không thực hiện các hoạt động khảo sát	-2 điểm/lần												
	+ Vi phạm quy định các kỳ thi và bị lập biên bản hình thức kỷ luật:													
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Hình thức</th><th>Lần đầu</th><th>Lần thứ 2 trở lên</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khiển trách</td><td>-2 điểm</td><td>-4 điểm/lần</td></tr> <tr> <td>Cảnh cáo</td><td>-3 điểm</td><td>-6 điểm/lần</td></tr> <tr> <td>Đình chỉ thi</td><td>-4 điểm</td><td>-8 điểm/lần</td></tr> </tbody> </table>	Hình thức	Lần đầu	Lần thứ 2 trở lên	Khiển trách	-2 điểm	-4 điểm/lần	Cảnh cáo	-3 điểm	-6 điểm/lần	Đình chỉ thi	-4 điểm	-8 điểm/lần	Không quy định số điểm trừ tối đa
Hình thức	Lần đầu	Lần thứ 2 trở lên												
Khiển trách	-2 điểm	-4 điểm/lần												
Cảnh cáo	-3 điểm	-6 điểm/lần												
Đình chỉ thi	-4 điểm	-8 điểm/lần												
2.	Đánh giá về ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của Nhà trường	0 đến 25 điểm												
a)	Ý thức chấp hành các quy định của pháp luật đối với công dân, các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành, của cơ quan quản lý thực hiện trong Nhà trường; nội quy, quy định tại đơn vị thực tập													
	– Không vi phạm quy chế, quy định	2 điểm												
	– Vi phạm nội quy học đường (thời gian học tập, không mang thẻ sinh viên, ...), đăng ký tham gia hoạt động nhưng không tham gia; vi phạm quy định tại đơn vị thực tập	-2 điểm/lần												
	– Không thực hiện đúng quy định về thời hạn nộp các loại hồ sơ, giấy tờ của trường	-2 điểm/lần												
	– Chấp hành quy định đăng ký nội trú và ngoại trú													
	+ Đăng ký nội trú, ngoại trú đúng hạn	3 điểm												
	+ Không đăng ký nội trú, ngoại trú	-5 điểm												
	– Vi phạm Quy chế, quy định về công tác sinh viên đến mức phải chịu hình thức kỷ luật (có Quyết định của Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật):													
	+ Khiển trách	-5 điểm												
	+ Cảnh cáo	-10 điểm												

	+ Đình chỉ học tập 1 năm học	Rèn luyện kém
	– Đóng học phí, lệ phí đúng thời hạn quy định	3 điểm
b)	Tham gia Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa/đầu năm học	0 đến 10 điểm
c)	Tự đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên	
	– Đánh giá đúng tiến độ	2 điểm
	– Đánh giá chậm tiến độ, sai quy định, không trung thực	-3 điểm
	– Không đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên	Rèn luyện kém
d)	Tham gia sinh hoạt lớp định kỳ, gặp giảng viên hướng dẫn theo đúng quy định	5 điểm
Tổng điểm của phần 2 là 25 điểm, nếu điểm vượt khung thì quy về 25 điểm		
3.	Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	0 đến 25 điểm
a)	Tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao	
	– Có ý thức và tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao trong thời gian học tập tại trường	3 điểm
	– Thành viên các CLB	0 đến 3 điểm/CLB
	– Tham gia cổ vũ các hoạt động	2 điểm/hoạt động
	– Tham gia các hoạt động về chính trị, xã hội	
	+ Tham gia các hoạt động, các buổi hội nghị, đại hội do nhà trường, các tổ chức Đoàn – Hội tổ chức, triệu tập	4 điểm/hoạt động
	+ Không tham gia (không có lý do chính đáng khi được triệu tập)	-3 điểm/hoạt động
	– Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao	
	+ Cấp lớp, cấp khoa (tương đương)	3 điểm/hoạt động
	+ Cấp trường (tương đương) trở lên	4 điểm/hoạt động
b)	Tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội	
	Tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội	3 điểm/hoạt động
	- Có ý thức và tham gia các hoạt động công ích, tình	3 điểm

	nguyện, công tác xã hội trong thời gian học tập tại trường	
	– Thành viên các CLB	0 đến 3 điểm/CLB
	– Cấp lớp, cấp khoa (tương đương)	3 điểm/hoạt động
	– Cấp trường (tương đương) trở lên	4 điểm/hoạt động
c)	Khen thưởng sinh viên tham gia các hoạt động vì cộng đồng	
	– Cấp khoa (tương đương)	4 điểm/thành tích
	– Cấp trường (tương đương) trở lên	5 điểm/thành tích
d)	Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	3 điểm/hoạt động
	– Có ý thức tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thời gian học tập tại trường	3 điểm
e)	Khen thưởng sinh viên đạt thành tích hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	
	– Cấp khoa (tương đương)	4 điểm/thành tích
	– Cấp trường (tương đương) trở lên	5 điểm/thành tích
4.	Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, các tổ chức khác của Nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện	0 đến 20 điểm
a)	Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, của nhà trường trong thời gian học tập tại trường	6 điểm
b)	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của sinh viên giữ một trong các chức vụ sau (đối với sinh viên đảm nhận nhiều chức vụ thì chọn một chức vụ cao nhất)	
	– Ban Cán sự lớp; Ban Chấp hành (BCH) chi đoàn – chi hội; ủy viên BCH Đoàn khoa – Liên chi hội Sinh viên khoa; Ban Chủ nhiệm các CLB; Trưởng đội, nhóm (cấp Khoa):	
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ	6 điểm
	+ Hoàn thành nhiệm vụ	3 điểm
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ	-6 điểm
	– Bí thư, phó Bí thư Đoàn khoa; Liên chi hội trưởng, liên	

	chi hội phó; Ủy viên BCH Đoàn trường – Hội Sinh viên trường; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm CLB; Trưởng đội (cấp trường); Ban Tự quản ký túc xá:	
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ	8 điểm
	+ Hoàn thành nhiệm vụ	4 điểm
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ	-8 điểm
	– Ủy viên Thường vụ Đoàn trường – Ban Thư ký Hội Sinh viên trường; Chi ủy viên Chi bộ Sinh viên:	
	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ	10 điểm
	+ Hoàn thành nhiệm vụ	4 điểm
	+ Không hoàn thành nhiệm vụ	-10 điểm
c)	Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện	
	– Khen thưởng cấp Trường	
	+ Danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”	5 điểm
	+ Giấy khen hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội (cá nhân)	5 điểm
	– Khen thưởng cấp tỉnh, thành phố trở lên	
	+ Danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”	6 điểm
	+ Đạt giải I, II, III Giải thưởng NCKH cấp thành phố	6 điểm
	+ Đạt giải khuyến khích Giải thưởng NCKH cấp Bộ	6 điểm
	+ Giấy khen của Thành Đoàn – Thành Hội về hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội (cá nhân)	6 điểm
	+ Các hình thức khen thưởng tương đương khác (do Hội đồng rèn luyện cấp trường công nhận)	6 điểm
	– Khen thưởng cấp Trung ương (tương đương)	
	+ Danh hiệu “Sao Tháng Giêng”	7 điểm
	+ Đạt giải I, II, III Giải thưởng NCKH cấp Bộ	7 điểm
	+ Bằng khen của Trung ương Đoàn – Trung ương Hội về hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn – Hội (cá nhân)	7 điểm
	+ Bằng khen cấp Trung ương vì có thành tích xuất sắc trong công tác xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hoạt động tình nguyện vì cộng đồng	7 điểm

	+ Các hình thức khen thưởng tương đương khác (do Hội đồng rèn luyện cấp trường công nhận)	7 điểm
– Tổng điểm của phần 1, phần 3 là 55 điểm, nếu điểm vượt khung thì quy về 55 điểm. – Tổng điểm của phần 2 là 25 điểm, nếu điểm vượt khung thì quy về 25 điểm. – Tổng điểm của phần 4 là 20 điểm, nếu điểm vượt quá 20 điểm thì phần điểm vượt sẽ cộng dồn điểm vào điểm tổng (phần 1 + phần 2 + phần 3). Nếu điểm rèn luyện vượt quá 100 điểm sẽ quy về 100 điểm và phần điểm vượt sẽ được bảo lưu và cộng vào học kỳ kế tiếp (bảo lưu tối đa một học kỳ).		